

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÁT XÁT  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2022/HS-ST  
Ngày 29 - 9 - 2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT - TỈNH LÀO CAI

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Hùng

2. Bà Ly Giờ Gụ

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2022/TLST- HS ngày 13 tháng 9 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

- Họ và tên: **Tráng A S** - Sinh ngày 08 tháng 02 năm 1988 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn D2, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: H.Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tráng Páo S - Sinh năm 1963 và bà Phàng Thị - Sinh năm 1963 ; Vợ là Sùng Thị K - Sinh năm 1992; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bát Xát. “Có mặt”.

- Họ và tên: **Tráng A S1** - Sinh ngày 07 tháng 10 năm 1999 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn D2, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: H.Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tráng Páo S - Sinh năm 1963 và bà Phàng Thị M - Sinh năm 1963 ; Vợ là Giàng Thị S - Sinh năm 2002; Bị cáo có 02

con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bát Xát. “Có mặt”.

- Họ và tên: **Giàng A G** - Sinh ngày 03 tháng 11 năm 1974 tại huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn D 2, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: H.Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A K - Đã chết và bà Giàng Thị G - Sinh năm 1940 ; Vợ là Lý Thị S - Sinh năm 1975; Bị cáo có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bát Xát. “Có mặt”.

- *Bị hại*: - Chị Giàng Thị S - Sinh năm 2002

Nơi cư trú: Thôn Dền Thàng 2, xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- Anh Lầu A V - Sinh năm 1998 (Đã chết)

Nơi cư trú: Thôn Kín Chu Phìn, xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Lầu A V*:

+ Ông Lầu A D - Sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

+ Bà Tráng Thị S - Sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

+ Chị Vừ Thị X - Sinh năm 2001

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

Người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Lầu A V: Chị Vừ Thị X - Sinh năm 2001

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tráng A S, Tráng A S1*: Bà Nguyễn Thị Hương Thuỷ - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng A G*: Bà Phạm Thị Thương - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lầu A V, Giàng Thị S:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Lầu A D - Sinh năm 1959

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”.

+ Anh Sùng A G - Sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”.

+ Anh Lầu A S - Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”.

+ Anh Sùng A L - Sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”.

+ Anh Sùng A C - Sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Vắng mặt”.

+ Anh Phàng A Q - Sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn D 2, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

+ Anh Vừ A S - Sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn D 2, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

+ Bà Phàng Thị M - Sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn D 2, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

+ Ông Tráng Páo S - Sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn D 2, xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

- *Người phiên dịch:* Ông Sùng A P

Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai. “Có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 26/5/2022, Tráng A S đi soi ếch tại rừng vầu cách nhà Sùng khoảng 400 mét thì gặp em dâu Sùng là Giàng Thị S - Sinh năm 2002, trú tại thôn Dền Thành 2, xã Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đang quan hệ tình dục với Lầu A V - Sinh năm 1998, trú tại thôn Khu Chu Phìn, xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Sùng yêu cầu Súa và V đi về nhà ông Tráng Páo S - Sinh năm 1963 (là bố đẻ của Sùng) để giải quyết. Súa và V đồng ý. Khoảng 01 giờ 00 phút cùng ngày, tại gian bếp nhà ông Tráng Páo S, Sùng kể sự việc cho

ông Sai, bà Phàng Thị M (mẹ đẻ Sùng) và em trai Sùng là Tráng A S1 (chồng của Súa) nghe lại sự việc. Ông Sai, bà Mỹ không nói gì, đi ra ngoài. Sùng và Sài tra hỏi thì V nói V quen biết Súa từ tháng 3/2022. Sau đó Sài, Sùng, V thỏa thuận: V sẽ đưa cho Sài, Sùng 100 triệu đồng thì Sài, Sùng sẽ cho V được về và được lấy Súa làm vợ. Sài yêu cầu V gọi điện thoại về báo cho gia đình V chuẩn bị tiền, V đồng ý làm theo. Trong khi chờ gia đình V đến, Sài đi mời ông Vừ A S - Sinh năm 1972, trú cùng thôn đến chứng kiến, Sài nhờ ông Sai đi gọi ông Phàng A Q - Sinh năm 1975 đến. Sùng đi gọi bố vợ Sài (là Giàng A G, trú cùng thôn) đến. Khi đến nhà Giàng, Sùng kể cho Giàng nghe sự việc và nói V đã hứa đưa 100 triệu đồng để được về và đưa Súa về làm vợ. Sùng nói Giàng là bố của Súa nên phải cùng đến để giải quyết, Giàng đồng ý đi theo Sùng. Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi Giàng A G đến gian bếp, sau khi nghe lại sự việc Giàng nói với Sùng, Sài: “Không trói chúng nó đi tự tử chết đấy, có dây không?” Sài trả lời: “Có, dây đây” đồng thời chỉ vào đoạn dây thừng dài 7,61 mét để ở gầm giường trong gian bếp, Giàng nhặt dây định trói Súa thì Sài can ngăn Giàng. Lúc này Sùng nói với Sài: “Vợ em đã làm như vậy, em giúp làm gì” nên Sài không can ngăn nữa. Giàng liền dùng dây này để trói hai tay Giàng Thị S ra phía sau và buộc treo dây lên thanh xà ngang ở giữa bếp. Sau đó Giàng đi đến lấy 01 đoạn dây làm bằng da trâu đã khô, dài 2,04 mét, treo ở góc tường trong bếp, buộc một đầu dây vào tay phải V, một đầu buộc vào chân giường kê trong bếp. Quá trình Giàng trói Súa, V thì Sùng đứng gần cửa ra vào, Sài ngồi trên giường, đồng tình với Giàng về việc trói Súa, V. Khoảng 03 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi nhận được điện thoại của V thì ông Lầu A D - Sinh năm 1959 (là bố đẻ của V); Vừ Thị X - Sinh năm 2001 (là vợ của V); Sùng A G - Sinh năm 1981; Lầu A S - Sinh năm 1982; Sùng A C - Sinh năm 1986; Sùng A L - Sinh năm 1980, cùng trú tại thôn Khu Chu Phìn, xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai cùng đến gian bếp nhà Tráng Páo S. Tráng A S nói lại sự việc gặp V và Súa quan hệ tình dục với nhau nên đã đưa về nhà, V đã nói muốn lấy Súa, đồng ý đưa 100 triệu để được về và cùng đưa Súa về làm vợ. Sùng yêu cầu gia đình V phải đưa 100 triệu. Ông D là bố đẻ của V đề nghị xin trả 20 triệu để đưa V về nhưng Giàng, Sùng, Sài không đồng ý. Sùng nói: “20 triệu thì không được, đã hứa trả 100 triệu thì phải đưa đủ, nói được phải làm được”, Sài nói: “V nó đã hứa 100 triệu thì phải đưa 100 triệu”; Giàng nói với Sùng, Sài: “Đòi 100 triệu là nhiều, 60-70 là được rồi”, “Phải đưa cho tôi 20 triệu”; Giàng nói tiếp với gia đình ông D “Nếu V và gia đình không chịu đưa số tiền mà Sùng, Sài yêu cầu thì tôi sẽ báo công an xử lý, cho V đi tù”. Vợ của V là Vừ Thị X thấy vậy nói “Nếu 20 triệu không được thì cho gia đình em trả 30 triệu”. Sùng, Sài, Giàng nghe vậy không đồng ý. Lúc này ông D gọi Giàng, Sà đi ra ngoài sân nhà Tráng Páo S bàn bạc sau đó ông D đi vào bếp nói: “Cho tôi xin trả 50 triệu”. Sùng, Sài, Giàng đi ra ngoài bàn bạc và thống nhất: Nếu Súa muốn theo V thì cho Súa đi, số tiền 50 triệu lấy được thì sẽ đưa 20 triệu cho Giàng, còn 30 triệu Sài giữ để nuôi con chung của Sài và Súa. Khi quay lại gian bếp, Sài nói “Ô kê”, Sùng nói “Nếu 50 triệu thì phải đưa tiền luôn mới thả người”, Giàng nói tiếp “Phải chia cho tôi 20 triệu”. Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, Lầu A D cùng Lầu A S đi về nhà ông Tản Phù Heng ở thôn Nậm Giàng 2, xã Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh

Lào Cai vay thêm 30 triệu đồng. Trong khi chờ ông D về lấy tiền, Xé xin cưới trói cho V thì Giầy nói “Đợi ông D mang tiền đến thì mới cưới trói”.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày thì ông D và Sá quay lại, Xé đưa cho ông D 20 triệu đồng, ông D gộp số tiền này với số tiền 30 triệu đồng mới vay được, đưa cho Sùng A G 50 triệu đồng đếm trước mặt mọi người, lúc này Giầy nói: “Tôi tự trói thì tôi tự cởi” rồi lấy trong bếp 01 dao bằng kim loại, loại dao 01 lưỡi, có tổng chiều dài 36,5cm cắt đoạn dây da trâu buộc ở tay V, cởi trói cho V sau đó cởi trói cho Súa. Sau khi Sùng A G đếm tiền xong, Giàng giao số tiền đó cho Tráng A S. Sùng rút 01 tờ 500 nghìn đồng ra đưa cho Vũ Thị X nói “Anh cho 500 nghìn”, số tiền còn lại Sùng đưa cho Tráng A S1 cất giữ. Xé nhận tiền rồi những người trên ngồi ăn cơm và uống rượu. Đến khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày gia đình Lầu A V đưa V về. V điều khiển xe một mình đi trước, gia đình V đuổi theo nhưng không kịp nên đã chia nhau ra đi tìm, đến khoảng 11 giờ 00 phút thì D, Lềnh, Sá, Chư gặp được V ở khu vực đường thuộc thôn Dền Thàng 1, xã Dền Thàng, huyện Bát Xát, thấy V có dấu hiệu mệt mỏi, nghi ngờ V đã ăn lá ngón tự tử nên đưa V xuống trạm y tế xã Mường Hum, huyện Bát Xát để cấp cứu thì Lầu A V tử vong.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 dây da trâu khô màu đen, dài 2,04 m, một đầu dây có 01 nút thông lòng (dạng thông lòng không xiết), tại vị trí nút thông lòng có vết cắt mới bởi vật sắc nhọn; 01 sợi dây, dạng dây thừng, màu xám đen, dài 7,61 m, một đầu dây được thắt nút; 01 dao bằng kim loại, loại dao 01 lưỡi, có

tiền 49.500.000 đồng gồm 05 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 97 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và tạm giữ của Vũ Thị X 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận pháp y về tử thi số 50/GDPY ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận: Lầu A V tử vong do ngộ độc cấp tính Ankaloid của cây lá ngón. Không phát hiện có dấu hiệu tác động của ngoại lực có thể dẫn đến tử vong. Cổ tay phải có vài vết xây sát da.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 161/TgT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Lào Cai kết luận: Giàng Thị S không có dấu vết thương tích trên cơ thể, mức tổn thương cơ thể là 0%.

Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 13/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G về tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G về tội danh theo bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Giàng A G phạm tội “Giữ người trái pháp luật”, xử phạt bị cáo Giàng A G với mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Giàng A G phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Giàng A G với mức án tù 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Tráng A S1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”, xử phạt bị cáo Tráng A S1 với mức án tù 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Tráng A S1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Tráng A S1 với mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Tráng A S phạm tội “Giữ người trái pháp luật”, xử phạt bị cáo Tráng A S với mức án tù 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Tráng A S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Tráng A S với mức án tù 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho gia đình Lầu A V tổng số tiền 20.000.000 đồng, những người đại diện hợp pháp của bị hại Lầu A V và bị hại chị Giàng Thị S không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 dây da trâu khô màu đen, dài 2,04 m, một đầu dây có 01 nút thông lòng (dạng thông lòng không xiết), tại vị trí nút thông lòng có vết cắt mới bởi vật sắc nhọn; 01 sợi dây, dạng dây thừng, màu xám đen, dài 7,61 m, một đầu dây được thắt nút; 01 dao bằng kim loại, loại dao 01 lưỡi, có tổng chiều dài 36,5 cm trong đó phần cán bằng kim loại dài 11,5 cm, phần lưỡi dao dài 25 cm.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Tráng A S, Tráng A S1: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Tráng A S, Tráng A S1 về tội “Giữ người

trái pháp luật” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Tráng A S và Tráng A S1 là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế; các bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 20.000.000 đồng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xét xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với tội “Giữ người trái pháp luật” cho bị cáo Tráng A S và Tráng A S1 hưởng mức án 01 năm 06 tháng tù; Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” cho bị cáo Tráng A S hưởng mức án 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Tráng A S1 hưởng mức án 02 năm 09 tháng tù. Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Giàng A G: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát truy tố bị cáo Giàng A G về tội “Giữ người trái pháp luật” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Giàng A G là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế do đó hành vi phạm tội của bị cáo là do lạc hậu; bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, m khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối với bị cáo Giàng A G dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với tội “Giữ người trái pháp luật” cho bị cáo Giàng A G hưởng mức án 01 năm 09 tháng tù; Đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” cho bị cáo Giàng A G hưởng mức án 02 năm 06 tháng tù. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại chị Giàng Thị S và người đại diện hợp pháp của bị hại Lầu A V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bát Xát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ và kết luận giám định. Bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết xã hội và pháp luật, nhận thức rõ giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vào ngày 26/5/2022 các bị cáo đã có hành vi giữ người trái pháp luật đối với 02 người là anh Lầu A V và chị Giàng Thị S tại gian bếp nhà ông Tráng Páo S sau đó uy hiếp tinh thần buộc anh Lầu A V phải giao nộp số tiền 50.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ và quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải xét xử một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ.

Đối với hành vi giữ người trái pháp luật: Bị cáo Giàng A G là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc trói giữ Lầu A V và Giàng Thị S nên phải chịu trách nhiệm chính; bị cáo Tráng A S1 là người đã chỉ vị trí để dây thừng cho Giàng A G trói Lầu A V, bị cáo Tráng A S là người đã can ngăn Tráng A S1 khi Tráng A S1 có ý định can ngăn Giàng A G, nhất trí để Giàng A G tiếp tục trói giữ Lầu A V và Giàng Thị S nên bị cáo Tráng A S1 và Tráng A S giữ vai trò là người giúp sức và phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Giàng A G.

Đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản: Bị cáo Tráng A S1 là người khởi xướng và trực tiếp uy hiếp tinh thần, buộc người bị hại Lầu A V phải giao số tiền 50.000.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm với vai trò chính; bị cáo Tráng A S, Giàng A G tham gia tích cực nên giữ vai trò là người thực hành và phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Tráng A S1.

[3] Xét về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.



[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G đã bồi thường cho gia đình Lầu A V tổng số tiền 20.000.000 đồng; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Vì vậy cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản riêng có giá trị. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho gia đình Lầu A V số tiền 20.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của bị hại Lầu A V và bị hại chị Giàng Thị S không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 dây da trâu khô màu đen, dài 2,04 m, một đầu dây có 01 nút thông lòng (dạng thông lòng không xiết), tại vị trí nút thông lòng có vết cắt mới bởi vật sắc nhọn; 01 sợi dây, dạng dây thừng, màu xám đen, dài 7,61 m, một đầu dây được thắt nút; 01 dao bằng kim loại, loại dao 01 lưỡi, có tổng chiều dài 36,5 cm trong đó phần cán bằng kim loại dài 11,5 cm, phần lưỡi dao dài 25 cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Ngày 08/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bát Xát đã ra quyết định xử lý vật chứng, ngày 10/8/2022 đã trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại Lầu A V là chị Vừ Thị X là đúng quy định.

[9] Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Quá trình điều tra đã xác định không có ai ép buộc, xúi giục Lầu A V ăn lá ngón dẫn đến tử vong, không chứng minh được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi giữ người trái pháp luật, cưỡng đoạt tài sản với việc Lầu A V ăn lá ngón tự sát, do đó cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Phàng A Q là người được mời đến chứng kiến một phần sự việc các bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G giữ Giàng Thị S, Lầu A V trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản của Lầu A V. Tuy nhiên Phàng A Q không tham gia bàn bạc với các bị cáo, không tham gia trói, giữ, không đe dọa, uy hiếp Lầu A V để chiếm đoạt tiền. Khoảng 05 giờ 00 phút cùng ngày, Phàng A Q rời khỏi nhà Tráng Páo S rồi đi tham dự lễ tổng kết năm học tại trường Phổ thông DTNT, THCS và THPT huyện Bát Xát. Khi về thì đã thấy cơ quan Công an đang làm việc về nội dung Lầu A V ăn lá ngón tự sát nên Phàng A Q cho rằng sự việc đã được cơ quan chức năng xử lý, giải quyết nên không trình báo nữa. Do đó, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với Phàng A Q là phù hợp.

Đối với Vũ A S là người được Tráng A S1 mời đến làm chứng việc các bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G giữ Giàng Thị S, Lầu A V trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản của Lầu A V. Tuy nhiên Vũ A S không tham gia bàn bạc với các bị cáo, không tham gia trói, giữ, không đe dọa, uy hiếp Lầu A V để chiếm đoạt tiền. Khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi chứng kiến việc Lầu A D đồng ý đưa 50 triệu đồng cho các bị cáo thì Vũ A S đi về, không chứng kiến việc giao, nhận tiền, cởi trói. Hội đồng xét xử xác định, Vũ A S không đồng phạm với các bị cáo. Cơ quan điều tra không xử lý đối với Vũ A S là phù hợp.

[10] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Mức án đề nghị áp dụng đối với các bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy là không phù hợp. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Lầu A V tổng số tiền là 20.000.000 đồng; các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó đối với tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” cần xét xử các bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, qua đó thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật nhưng cũng đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo.

[11] Đối với ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: Mức án đề nghị áp dụng đối với các bị cáo như đề nghị của những người bào chữa đối với bị cáo Tráng A S, Tráng A S1, Giàng A G và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội do lạc hậu” theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt đối với bị cáo Giàng A G dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết pháp luật, các bị cáo nhận thức rõ giữ người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo giữ người trái pháp luật đối với hai bị hại và cưỡng đoạt số tiền 50.000.000 đồng. Do đó mức án đối với các bị cáo như đề nghị của những người bào chữa không đủ sức răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo. Do đó cần phải xét xử các bị cáo mức án cao hơn đề nghị của người bào chữa mới có tác dụng răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo.

[12] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:**

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Giàng A G phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Giàng A G 02 năm 03 tháng tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Giàng A G phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Giàng A G 03 năm tù.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Giàng A G phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Tráng A S phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Tráng A S 02 năm tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Tráng A S phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Tráng A S 03 năm tù.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Tráng A S phải chấp hành hình phạt chung 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Tráng A S1 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Xử phạt bị cáo Tráng A S1 02 năm tù.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Tráng A S1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Tráng A S1 03 năm 03 tháng tù.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo Tráng A S1 phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2022.

## 2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 dây da trâu khô màu đen, dài 2,04 m, một đầu dây có 01 nút thông lòng (dạng thông lòng không xiết), tại vị trí nút thông lòng có vết cắt mới bởi vật sắc nhọn; 01 sợi dây, dạng dây thừng, màu xám đen, dài 7,61 m, một đầu dây được thắt nút; 01 dao bằng kim loại, loại dao 01 lưỡi, có tổng chiều dài 36,5 cm trong đó phần cán bằng kim loại dài 11,5 cm, phần lưỡi dao dài 25 cm.

(Vật chứng thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa Công an huyện Bát Xát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát).

### 3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Tráng A S, Tráng A S1 và Giàng A G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh; VKSND tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện; Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan THAHS CA huyện;
- Bị cáo; Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại; Người bào chữa;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thu Trang**